

CHIẾN LƯỢC SINH KẾ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VÙNG VEN BIỂN: LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Đỗ Thị Diệp

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: dtdiep@vnua.edu.vn

Nguyễn Văn Song

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngày nhận: 12/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/7/2016

Ngày duyệt đăng: 25/7/2016

Tóm tắt:

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức của nhân loại trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, sinh kế của hàng triệu người trên thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là người dân nghèo ở ven biển bởi họ là đối tượng dễ bị tổn thương do ảnh hưởng thường xuyên và trực tiếp của các hiện tượng thời tiết cực đoan. Để giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu, người dân ven biển đã tiến hành hàng loạt các chiến lược sinh kế khác nhau, bao gồm: sinh kế thích ứng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; sinh kế truyền thống, đa dạng hóa sinh kế, sinh kế bổ sung và sinh kế thay thế. Mục đích của bài viết này nhằm: (i) tổng quan lý luận về chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển, (ii) tìm hiểu kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển trên thế giới, (iii) rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển sinh kế bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở ven biển Việt Nam.

Từ khóa: chiến lược sinh kế, biến đổi khí hậu, ứng phó, ven biển.

Livelihood Strategies in Response to Climate change in Coastal Areas: Theory and lessons for Vietnam

Abstract:

Climate change is one of the challenges for humanity in the 21st century. In the context of climate change, the livelihoods of millions of people around the world have been severely affected, especially for poor residents in coastal zones since they were frequently and directly vulnerable to severe weather phenomena. To minimize the risks related to climate change, coastal residents have taken a range of livelihood strategies, including: short-term, mid-term, and long term adaptation strategies; traditional livelihoods, livelihood diversification, additional livelihood and alternative livelihoods. The objectives of this article are: (i) to provide a literature review of livelihood strategies responding to climate change of coastal communities; (ii) to identify the experiences on responding to climate change of coastal communities worldwide; (iii) to find the solutions for sustainable livelihood development in the context of climate change in coastal Vietnam.

Keywords: Livelihood strategies, climate change, respond, coastal area

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu, với những biểu hiện chính là sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, mực nước biển dâng cùng

với các biểu hiện thời tiết bất thường khác, được coi là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu,

sinh kế của hàng triệu người trên toàn thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng, gây ra những tác động tiêu cực lên đời sống của người dân nghèo ở vùng núi, đồng bằng và ven biển. Theo thống kê, có khoảng 2,7 tỷ người (chiếm 40% tổng dân số thế giới) sống ở ven biển; vì vậy, đây được coi là khu vực phát triển năng động nhất thế giới (Trần Thọ Đạt & Vũ Thị Hoài Thu, 2012). Ngay cả khi không phải đối diện với nguy cơ của biến đổi khí hậu, vùng biển đã phải chịu áp lực hiện tại do khai thác quá mức nguồn tài nguyên biển và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu được dự đoán sẽ tiếp tục làm trầm trọng thêm những áp lực hiện tại lên khu vực ven biển trong bối cảnh nguồn lực có hạn.

Ở Việt Nam, đa số người dân sống ở khu vực nông thôn, miền núi và ven biển. Sinh kế của họ, đặc biệt là sinh kế của người dân nghèo, phần lớn dựa vào điều kiện tự nhiên và thời tiết. Vì vậy, biến đổi khí hậu sẽ là trở ngại lớn đối với chiến lược giảm nghèo và phát triển bền vững. Hơn nữa, Việt Nam được dự đoán sẽ là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu do có bờ biển dài, phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, trình độ phát triển thấp ở khu vực nông thôn. Vì vậy, sinh kế của cộng đồng ven biển Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng rõ rệt nhất. Trước thực trạng đó, một số câu hỏi đặt ra là: đặc điểm của sinh kế ven biển là gì? Biến đổi khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sinh kế ven biển? Người dân ven biển áp dụng chiến lược sinh kế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu?

Bằng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp từ sách, báo, kỷ yếu hội thảo và các tài liệu đã được công bố trong và ngoài nước, bài viết này nhằm trình bày lý luận về chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu, kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu ở một số vùng ven biển trên thế giới, làm cơ sở rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển chiến lược sinh kế bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu và khung lý thuyết

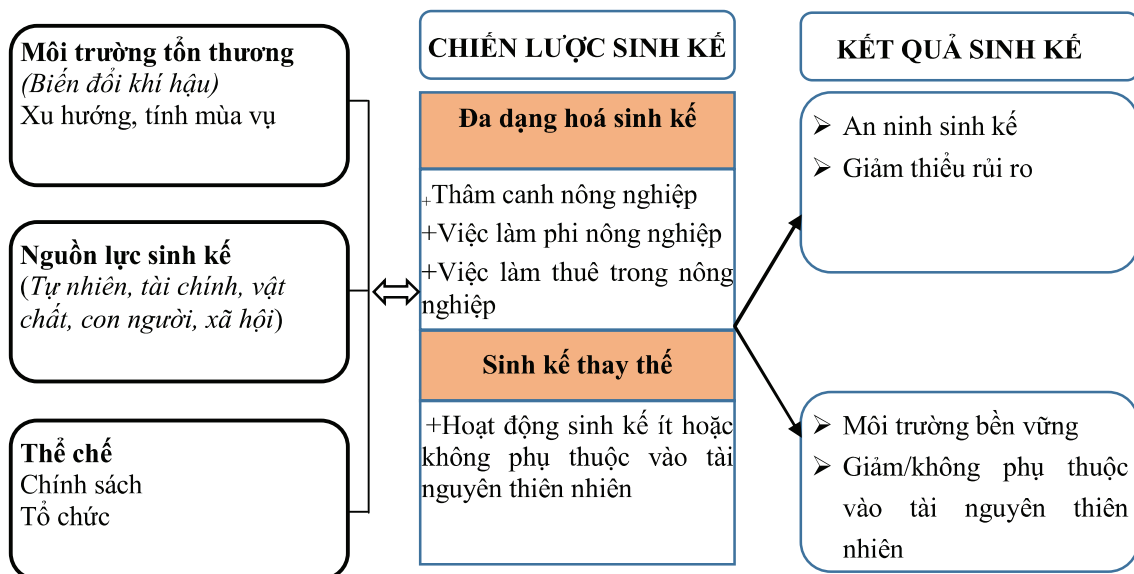
2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ sách, báo, tạp chí chuyên ngành, các đề tài, dự án đã được công bố. Bằng việc thu thập, tổng hợp, phân tích và hệ thống hoá một cách logic, khoa học, giúp hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng ven biển.

2.2. Khung lý thuyết

Nghiên cứu chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu dựa trên khung phân tích sinh kế bền vững được phát triển vào đầu những năm 1990. Có nhiều tác giả và tổ chức đã phát triển khung sinh kế bền vững theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu, và mỗi khung sinh kế có điểm nhấn riêng cũng như điểm mạnh và điểm yếu riêng của mình. Chẳng hạn, theo khung sinh kế bền vững của Scoones (1998), thể chế và chính sách đóng vai trò quan trọng trong việc giúp thực hiện các hoạt động sinh kế và đạt được các kết quả sinh kế mong

Hình 1: Khung lý thuyết sinh kế bền vững vùng ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu



Nguồn: Tác giả, kế thừa Scoones (1998), Ellis (1998), DFID (2000).

muốn. Trong khi đó, theo Bộ phát triển quốc tế Anh (DFID, 2000) thì mỗi hộ gia đình có các phương thức kiếm sống riêng dựa vào nguồn lực có sẵn trong bối cảnh chính sách và thể chế nhất định, chịu tác động của môi trường dễ bị tổn thương.

Cũng cùng tư tưởng thiết kế khung phân tích sinh kế dựa trên 5 nguồn lực sinh kế nhưng khung sinh kế của Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) lại nhấn mạnh vào khuyến khích và thúc đẩy người dân sử dụng và quản lý nguồn vốn của mình một cách hiệu quả, bền vững. Theo dòng thời gian, khung sinh kế bền vững của tổ chức nhân đạo CARE phát triển trên khung sinh kế của UNDP. Tuy nhiên, khung phân tích của CARE đã chỉ rõ đối tượng phân tích là hộ gia đình, lấy hộ gia đình làm trung tâm, cụ thể hơn khung phân tích của UNDP. Nghiên cứu này kế thừa các khung phân tích sinh kế bền vững trên, nhấn mạnh thêm yếu tố biến đổi khí hậu như một yếu tố tổn thương trong bối cảnh sinh kế.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Lý luận về chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

** Sinh kế ven biển*

Khái niệm “sinh kế” ngày càng trở nên quan trọng trong lý thuyết phát triển và thực tế. Có nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau về sinh kế. Tuy nhiên, các khái niệm đều đi đến sự thống nhất chung rằng sinh kế bao hàm nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động sống của mỗi cá nhân hay hộ gia đình. Với đặc thù vùng ven biển, sinh kế ven biển đề cập đến quá trình mà qua đó các thể hệ hiện tại và tương lai của các tác nhân ven biển thực hiện khả năng của họ bằng việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống của họ song song với quá trình duy trì đa dạng sinh học, sức khỏe và hệ sinh thái biển.

** Chiến lược sinh kế*

Trong khung sinh kế bền vững, chiến lược sinh kế được hiểu là sự kết hợp các hoạt động và chọn lựa của con người để đạt được mục tiêu sinh kế (Ellis, 1998; Ronan, 2007). Ở một góc nhìn khác, Ellis (2000) cho rằng chiến lược sinh kế bao gồm các hoạt động sản xuất, chiến lược đầu tư và các lựa chọn tái đầu tư. Những chiến lược này có thể là phản ứng ngắn hạn như việc đối phó với những cú sốc hay quản lý rủi ro. Chiến lược sinh kế có thể tích cực,

giúp các hộ gia đình trở nên vững vàng hơn, hoặc có thể là tiêu cực khi kết quả thể hiện ở sự suy giảm tài sản sinh kế.

Theo cách hiểu chung nhất, chiến lược sinh kế là cách mà con người tiếp cận và sử dụng những tài sản sinh kế, trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường để tạo thành một chiến lược sinh kế. Phạm vi và tính đa dạng của chiến lược sinh kế là rất rộng. Một cá nhân có thể tiến hành vài hoạt động sinh kế để đáp ứng nhu cầu của bản thân, hoặc nhiều cá nhân có thể tham gia vào các hoạt động đóng góp cho chiến lược sinh kế tập trung của hộ.

** Biến đổi khí hậu*

Biến đổi khí hậu, với các biểu hiện thời tiết bất thường, được coi là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI. Có nhiều định nghĩa khác nhau về biến đổi khí hậu dưới góc độ kinh tế, kỹ thuật. Tuy nhiên, khái niệm biến đổi khí hậu của Công ước Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu (IPCC) được sử dụng phổ biến và phù hợp hơn cả. Theo đó, biến đổi khí hậu được hiểu là những biến đổi trong môi trường vật lý hoặc sinh học gây ra những ảnh hưởng có hại đáng kể đến thành phần, khả năng phục hồi hoặc sinh sản của các hệ sinh thái tự nhiên hoặc đến hoạt động của các hệ thống kinh tế - xã hội hoặc đến sức khỏe và phúc lợi của con người (IPCC, 2007).

** Ứng phó với biến đổi khí hậu*

Thuật ngữ “ứng phó” đã được sử dụng bởi cộng đồng biến đổi khí hậu để đề cập đến những tác động bất lợi của thời tiết thông qua các biện pháp *thích ứng* và *giảm nhẹ* (Barnett & Dessai, 2002). Trong nghiên cứu kinh tế - xã hội, ứng phó là hành động của bất kỳ khu vực, quốc gia, cộng đồng hoặc cá nhân nào nhằm giải quyết hoặc quản lý những thay đổi môi trường dựa trên những dự đoán về sự thay đổi hoặc trên những kinh nghiệm họ đã trải qua. Trong nghiên cứu này, khái niệm thích ứng được sử dụng rộng rãi hơn, liên quan đến yếu tố kinh tế - xã hội hơn là yếu tố kỹ thuật.

3.1.2. Đặc điểm sinh kế ven biển

Thứ nhất, vùng ven biển tập trung dân số lớn và mật độ dân số khá cao với khoảng 2,7 tỷ người - chiếm trên 40% dân số thế giới (Trần Thọ Đạt & Vũ Thị Hoài Thu, 2012). Với diện tích đất canh tác bình quân trên đầu người ở vùng ven biển thấp kết hợp với dân số đông nên sinh kế của người dân ven biển nhìn chung vẫn dựa vào nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đánh bắt.

Thứ hai, so với các vùng sinh thái nông nghiệp khác, vùng ven biển là khu vực phát triển năng động, nhưng đồng thời cũng là nơi chịu nhiều tác động từ tự nhiên cũng như hoạt động sinh sống và sản xuất của con người. Ngay cả khi không phải đối mặt với biến đổi khí hậu, vùng ven biển đã phải đối mặt với những áp lực hiện tại liên quan đến gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Biến đổi khí hậu với các biểu hiện thời tiết bất thường sẽ làm trầm trọng hơn những vấn đề hiện tại của khu vực ven biển theo những cách khác nhau (CCSP, 2009).

Thứ ba, sinh kế ven biển được đặc trưng bởi công nghệ và năng suất thấp, phụ thuộc vào thỏa thuận kinh tế - xã hội không chính thống, lại thường xuyên tiếp xúc với tổn thương về kinh tế cũng như những khó khăn để dự đoán kết quả của lao động và các khoản đầu tư khác (Eva, 2010).

Thứ tư, mặc dù nguồn lợi ven biển là rất lớn, song với áp lực khai thác hiện tại, trong bối cảnh biến đổi khí hậu khiến sinh kế ven biển có nguy cơ bị thu hẹp. Đa dạng hóa hoạt động thu nhập, giảm thiểu rủi ro và đạt được các mục tiêu sinh kế nhất định, người dân ven biển có xu hướng di cư lao động tự do từ nông thôn ven biển ra thành thị tìm việc làm với cường độ tương đối lớn, đặc biệt xu hướng này phổ biến ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Điều này đã làm tăng thêm sức ép việc làm tại đô thị và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp như nhà ở, đi lại, điện nước sinh hoạt và các tệ nạn xã hội khác.

Tóm lại, so với các vùng sinh thái nông nghiệp khác, sinh kế ven biển đặc trưng bởi các hoạt động sinh kế phụ thuộc vào nguồn tài nguyên nhạy cảm với thời tiết. Mặc dù tiềm năng sinh kế đa dạng nhưng cũng tiềm ẩn không ít rủi ro liên quan đến diễn biến khí hậu bất thường bên cạnh các áp lực khai thác khác trong cả hiện tại và tương lai.

3.1.3. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên sinh kế ven biển

Biến đổi khí hậu với những biểu hiện thời tiết bất thường ngày càng được nhìn nhận rõ rệt hơn trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến vùng biển và khu vực ven biển. Cộng đồng ven biển đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và tổn thương trên phạm vi toàn cầu hơn bất cứ nơi nào khác. Áp lực con người liên quan đến khai thác quá mức tài nguyên biển, đánh bắt và các hoạt động dựa vào đất đai (điển hình như thâm canh nông nghiệp) đã làm gia tăng áp lực lên hệ sinh thái ven biển. Biến đổi khí hậu góp phần làm chậm hơn khả năng phục

hồi của hệ sinh thái biển cho phúc lợi và sinh kế của con người (Adger & cộng sự, 2005; Lebel, 2012).

Những tính chất và ảnh hưởng khác nhau của biến đổi khí hậu đến sinh kế ven biển là không giống nhau, cả trên khía cạnh tổn thương và thích ứng. Một vài thảm họa xảy ra rất nhanh ở vùng ven biển, ảnh hưởng đột ngột đến đời sống và sinh kế của người dân như lốc xoáy, bão biển, trong khi một số ảnh hưởng khác lại diễn ra chậm hơn như xâm nhập mặn hay ngập lụt gia tăng, tuy nhiên những ảnh hưởng này có tác động lâu dài đến chức năng kinh tế - xã hội vùng ven biển (Nicholls & cộng sự, 2007). Điển hình như lốc xoáy năm 2007 làm biến mất rừng ngập mặn, sinh kế dựa vào nguồn lợi ven biển sau thảm họa vẫn chưa được phục hồi ở Bangladesh (Mallick et al, 2011).

Với sự thay đổi tần suất của các hiện tượng thời tiết cực đoan như lốc xoáy, bão biển, sinh kế của người dân ven biển, điển hình như sản xuất nông nghiệp ven biển và đánh bắt đã và đang bị ảnh hưởng nặng nề. Bên cạnh đó, mức độ nhiễm mặn mặc dù tăng chậm theo thời gian nhưng là mối đe dọa lớn đến canh tác nông nghiệp truyền thống và hệ sinh thái rừng ngập mặn (Moniruzzaman, 2012).

3.1.4. Chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển

Từ lý luận về sinh kế bền vững, biến đổi khí hậu, tổn thương của sinh kế ven biển trước biến đổi khí hậu, có thể hiểu sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu là một sinh kế ở trong tình trạng thay đổi do bị áp lực và va chạm bởi biến đổi khí hậu nhưng có khả năng chống chọi, hấp thu, thích ứng và phục hồi từ những hậu quả của va chạm và áp lực một cách kịp thời và hiệu quả, kể cả sự duy trì, khôi phục và cải thiện các chức năng và cấu trúc thiết yếu cơ bản của nó bất cứ nơi nào có thể được.

Các nghiên cứu đã chỉ ra chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu ở ven biển rất đa dạng, phụ thuộc vào khả năng thích ứng của hộ, cộng đồng, vùng lãnh thổ và thậm chí trên bình diện quốc gia. Sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu mang tính bối cảnh cụ thể và phụ thuộc vào các tiêu chí phân loại thích ứng khác nhau. Tổ chức lương thực thế giới FAO (2006) phân chia chiến lược ứng phó của sinh kế thành ba loại: (i) ứng phó tự phát diễn ra một cách độc lập, ngoài kế hoạch hay không có sự tham gia của tác nhân bên ngoài; (ii) ứng phó phản ứng là phản ứng khẩn cấp với điều kiện bên ngoài; (iii) ứng phó kế hoạch là sử dụng các hành động cụ thể, có

Hình 2: Mối liên hệ giữa chiến lược sinh kế và rủi ro thời tiết



Nguồn: Kế thừa nghiên cứu của Claire, 2004

chuẩn bị trước để giải quyết những thay đổi của môi trường; theo đó, cách tiếp cận chiến lược ứng phó có thể là định hướng chính sách, quản lý, công nghệ và hành vi. Ngoài ra, dựa vào thời gian ứng phó mà có thể phân chia các chiến lược sinh kế trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn (WB, 2010).

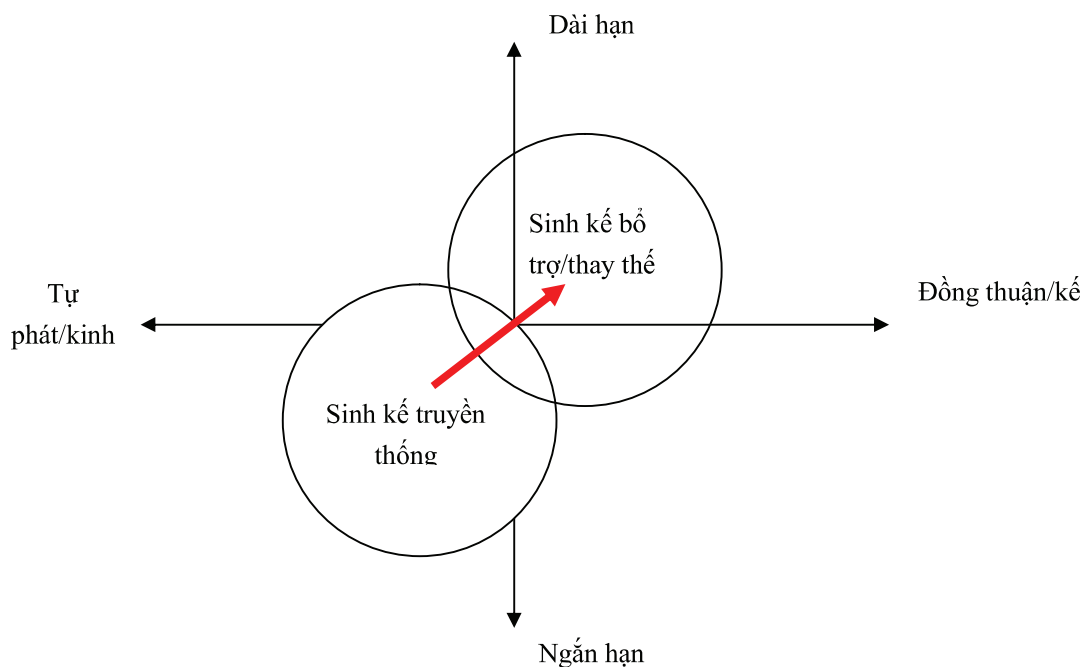
Có mối liên hệ giữa mức độ rủi ro thời tiết và lựa chọn chiến lược sinh kế theo các mức độ khác nhau. Khi rủi ro càng tăng lên, con người có xu hướng lựa chọn các chiến lược sinh kế đa dạng, có kế hoạch và bền vững hơn. Cụ thể, từ sinh kế truyền thống chủ yếu dựa vào nguồn lực tự nhiên và tài nguyên biển, người dân tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế, đa dạng hóa sinh kế, sinh kế bổ sung và sinh kế thay thế (có thể là sinh kế phụ trợ hoặc phi nông nghiệp). Các chiến lược sinh kế sau này hướng tới đa mục

tiêu như: tăng thu nhập, giảm thiểu rủi ro, giảm phụ thuộc vào tài nguyên, phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

Ý tưởng dẫn dắt sinh kế thay thế là tạo ra động lực để con người dừng các hoạt động sinh kế không bền vững trong hiện tại để chuyển sang các hoạt động sinh kế bền vững hơn. Để làm được việc này, sinh kế thay thế cần phải đem lại lợi ích kinh tế hơn. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu thì mục tiêu kinh tế không phải là duy nhất. Thái độ đối với rủi ro, khả năng tiếp cận với tài sản, tính tổn thương và ảnh hưởng thế chế... tất cả các yếu tố này ảnh hưởng đến cách mà con người ra quyết định lựa chọn chiến lược sinh kế.

Như vậy, mặc dù chiến lược sinh kế trong bối

Hình 3: Lựa chọn chiến lược sinh kế trong ngắn hạn và dài hạn



Nguồn: Tác giả, 2016

cảnh biến đổi khí hậu được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, phụ thuộc vào cách phân chia cũng như trong từng bối cảnh kinh tế - xã hội - môi trường - thể chế khác nhau, nhưng tựu trung chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng ven biển có thể được khái quát hóa qua Hình 3.

Theo đó, các hoạt động sinh kế truyền thống mang tính chất tự phát trong ngắn hạn. Khi rủi ro tăng lên, các hộ dân và cộng đồng có xu hướng lựa chọn cải thiện sinh kế theo hướng phát triển sinh kế bổ trợ hoặc thay thế, ít dựa vào tài nguyên thiên nhiên. Do đó, các chiến lược sinh kế này mang tính dài hạn, có kế hoạch và sự đồng thuận cao ở cả cấp độ cộng đồng và hộ gia đình. Mục tiêu của chiến lược sinh kế ngoài đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm, tăng thu nhập còn phải hướng tới phát triển bền vững thông qua cải tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên, tăng tính ổn định trên tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế.

3.2. Thực tiễn chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu của người dân ven biển

3.2.1. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới

Lý luận về sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu cho thấy chiến lược sinh kế rất đa dạng và linh hoạt, phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể. Chẳng hạn như một cộng đồng ven biển ở Tanzania có thể tham gia vào việc bán thăm thủ công cho khách du lịch và coi đó như nguồn sinh kế chính của họ. Một làng ven biển khác với cùng điều kiện tự nhiên lại có nghề sinh kế chính là làm thuyền bởi họ không tiếp cận được với khách du lịch để bán thăm thủ công. Có đến hơn 100 sinh kế ven biển được nhận diện trong các nghiên cứu tại Tanzania. Một vài trong số đó là sinh kế truyền thống, một số khác là sinh kế mới được giới thiệu. Hay trong bối cảnh hạn hán kéo dài, một loạt các chiến lược thích ứng được áp dụng để giảm thiểu tác động tiêu cực cũng như tăng cường khả năng phục hồi của sinh kế. Kết quả là, bằng cách đa dạng hóa sinh kế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân ở làng Makoja và Ikowa trong khu vực Dodoma thuộc Tanzania đã thích ứng thành công với hạn hán cục bộ như là một hậu quả của biến đổi khí hậu (Starken & Wandeln, 2009).

Nông dân ở Bangladesh áp dụng hàng loạt các chiến lược ứng phó tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể, bao gồm: canh tác truyền thống theo tập tục địa phương; thực hành hỗ trợ của chính phủ; hoạt động thích ứng thay thế như hệ thống canh tác tổng hợp

trồng trọt - chăn nuôi; nỗ lực áp dụng công nghệ, chẳng hạn như giống mới ngăn ngừa để ứng phó với xâm nhập mặn và tình trạng thiếu nước ngọt. Bên cạnh đó, các hộ dân cũng tiến hành các hoạt động phi nông nghiệp như cho thuê đất, kinh doanh nhỏ, và các hoạt động hỗ trợ pháp lý (FAO, 2006).

Tương tự như vậy, lũ lụt liên tiếp do bão xảy ra trong những năm gần đây ở Mozambique đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh kế của người nghèo bị tổn thương ở khu vực ven biển. Chiến lược thích ứng của cộng đồng bị tổn thương đặc biệt tập trung vào nguồn lực thay thế như thực phẩm, việc làm và thay đổi cách sống. Bên cạnh các hoạt động sinh kế dựa vào nông nghiệp, người dân trong khu vực bị tổn thương do rủi ro thiên tai tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp (bao gồm cả ở khu vực chính thống và phi chính thống) như làm thuê mùa vụ, xây dựng, kinh doanh, làm nghề thủ công... để tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Việc tạo ra nguồn thu nhập thay thế sẽ giúp vượt qua điều kiện môi trường khắc nghiệt và năng suất trồng trọt thấp (Ribeiro & Chauque, 2010).

Ở khu vực Đông Nam Á, các nước chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên sinh kế ven biển, điển hình như Philippines và Indonesia đã áp dụng chiến lược sinh kế thay thế mặc dù vẫn dựa vào tài nguyên nhưng không gây áp lực lên hệ sinh thái tự nhiên, không xung đột với các sinh kế truyền thống khác. Cụ thể, hoạt động sinh kế nuôi rong biển đã được giới thiệu để giảm thiểu các hình thức đánh bắt hủy diệt (Sievanen & cộng sự, 2005) ở ven biển Philippines và Indonesia. Chiến lược này cho thấy mặc dù các hoạt động sinh kế được tiến hành rộng rãi nhưng hầu hết người dân vẫn duy trì nghề đánh bắt cá bên cạnh hoạt động nuôi rong biển.

Như vậy, nhiều chiến lược sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu đã được áp dụng thành công ở các nước đang phát triển, bao gồm cả kiến thức bản địa và kỹ thuật mới, chiến lược riêng rẽ hay đồng bộ. Bên cạnh đó, đa dạng hóa các hoạt động sinh kế để giảm thiểu rủi ro do tác động của khí hậu khắc nghiệt cũng được đề cập. Nhiều nguồn thu nhập thay thế được giới thiệu như thủ công nghiệp, sản xuất than, kinh doanh, thậm chí di cư. Trong nhiều trường hợp, di cư được coi là biện pháp trốn chạy khỏi thảm họa bên cạnh mục đích tạo thêm thu nhập. Hơn nữa, tiêu dùng gia đình được cải thiện do thực phẩm để lại của những người di cư mùa vụ trong hộ gia đình (FAO, 2006). Vì vậy, di cư thời vụ là chiến lược sinh kế

Bảng 1: Sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Vị trí	Quảng Ninh	Ninh Thuận	Hà Tĩnh	Trà Vinh	Ninh Bình
1	Nuôi cá nước ngọt	Nuôi gia súc	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Nuôi cua biển ở rừng ngập mặn	Lúa - cá nước ngọt
2	Nuôi nhuyễn thể	Nuôi tảo biển	Trồng lúa, chăn nuôi	Nuôi ngao	Nuôi tôm, cá, tôm nước lợ
3	Chăn nuôi	Làm nước mắm	Đánh bắt xa, gàn bờ	Chăn nuôi	Lúa-cói
4	Làm thuê	Đánh bắt gàn bờ	Chế biến thủy sản	Làm thuê	Đánh bắt ngao xa bờ

Nguồn: (Shay, 2013)

mang lợi ích kép cho hộ gia đình trong bối cảnh tổn thương do biến đổi khí hậu.

3.2.2. Kinh nghiệm ở Việt Nam

Ở Việt Nam, sự dao động khí hậu kết hợp với thiên tai như bão, lũ lụt, triều cường đã liên tục đe dọa tính mạng, tài sản sinh kế của người dân. Tuy nhiên, những tác động của thiên tai là không giống nhau ở các vùng sinh thái nông nghiệp khác nhau. Cụ thể, ADPC (2003) đã chỉ ra hiểm họa lớn nhất là lốc xoáy, lũ quét, lũ lụt và lở đất, trong đó lũ quét và lốc xoáy ảnh hưởng chủ yếu ở các vùng trung du và ven biển cả nước, hiện tượng xói lở ảnh hưởng nghiêm trọng nhất, dọc theo bờ biển Việt Nam. Bên cạnh đó, lũ lụt biểu hiện ở vùng ven biển chủ yếu là kết quả của lưu vực sông cao, triều cường kết hợp với bão biển và hệ thống đê điều yếu. Trong một vài thập kỷ tới, thảm họa thời tiết được dự báo sẽ lan rộng khắp các vùng khí hậu của Việt Nam, trong đó có khu vực ven biển. Những ảnh hưởng tiềm ẩn của biến đổi khí hậu kết hợp với mực nước biển dâng ở Việt Nam dựa trên đánh giá nguy cơ lũ lụt được thực hiện bởi ADPC (2003) có thể biểu hiện thành lũ lụt ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng đất thấp ven biển, điều này có thể dẫn đến sự di trú của cư dân ven biển, di cư từ ven biển vào trong đất liền. Hơn nữa, gia tăng lũ lụt và thảm họa thiên tai do dao động thời tiết bất thường ở vùng biển có thể ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản và sinh kế của người dân.

Các nghiên cứu trong nước gần đây đã chỉ ra sự đa dạng về sinh kế đối với cộng đồng ven biển. Các chiến lược sinh kế tập trung vào cả nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) ngư nghiệp (đánh bắt/khai thác và nuôi trồng thủy hải sản), tiểu thủ công nghiệp (chế biến thủy hải sản như nước mắm, mắm tôm, sơ chế các loại hải sản: cá khô, mực khô), dịch vụ thương mại (buôn bán nhỏ) và làm thuê (liên quan

đến tất cả các hoạt động - kể cả hoạt động xuất khẩu lao động) để đa dạng thu nhập và giảm thiểu rủi ro do thời tiết gây ra (Shay, 2013). Tuy nhiên, tiềm năng về phát triển các sinh kế nông nghiệp là rất hạn chế do điều kiện sản xuất nông nghiệp gặp phải nhiều khó khăn liên quan đến áp lực con người và rủi ro thời tiết như: hạn, thiếu nước, đất cát nghèo dinh dưỡng (ở các cộng đồng ven biển thuộc các tỉnh Ninh Thuận và Hà Tĩnh), thiếu đất sản xuất nông nghiệp (Ninh Bình, Quảng Ninh, Trà Vinh), bão lũ và lốc xoáy (Thái Bình, Nam Định, Hà Tĩnh).

Trước áp lực liên quan đến con người và rủi ro thiên tai, cộng đồng ven biển đã tham gia vào nhiều hoạt động sinh kế ngoài các sinh kế truyền thống phụ thuộc vào tài nguyên biển. Các sinh kế thay thế sau có thể được coi là phương hướng cho ngư dân thoát nghèo: nuôi cá nước ngọt, kết hợp lúa cá, nuôi ngao, nhuyễn thể và tảo biển. Người dân cũng đã nhận thức được các tác động tiêu cực của việc khai thác quá mức nguồn lợi tự nhiên với sinh kế như nuôi tôm nước lợ, nên sinh kế này không được đánh giá cao. Người nghèo cũng không muốn tiếp tục đánh bắt gàn bờ. Thay vào đó, họ chú ý tới việc kết hợp các sinh kế. Luôn có một sinh kế thay thế để người dân có thể tận dụng nguồn lợi tự nhiên và hạn chế đầu tư nếu họ gặp khó khăn về vốn. Phân loại, đánh giá các sinh kế của cộng đồng ngư dân trong nghiên cứu của Shay (2013) được cụ thể hóa trong Bảng 1.

Như vậy, mặc dù chiến lược sinh kế ứng phó với rủi ro thời tiết của cộng đồng ven biển đa dạng và linh hoạt nhưng các hoạt động sinh kế dựa vào nông nghiệp vẫn chiếm đa số (một số nơi chiếm đến 80 - 90%), hoạt động phi nông nghiệp tại chỗ và di cư vẫn còn hạn chế (WB, 2006). Hơn nữa, các chiến lược sinh kế còn mang tính tự phát, ngắn hạn, xuất phát từ kinh nghiệm của hộ gia đình và cộng đồng hơn là chiến lược có định hướng, kế hoạch trong dài

hạn của chính quyền và các tổ chức.

4. Kết luận và bài học kinh nghiệm

Vùng biển là nơi phát triển năng động, tập trung đông dân cư sinh sống, nhưng cũng là nơi chịu nhiều rủi ro do áp lực khai thác hiện tại và rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu. Sinh kế ven biển được đặc trưng bởi công nghệ và năng suất thấp, phụ thuộc vào nguồn lực nhạy cảm với dao động thời tiết, lại thường xuyên tiếp xúc với tổn thương về kinh tế cũng như những khó khăn khác, vì vậy cư dân ven biển thường kết hợp các nguồn lực trên đất liền và ven biển để tiến hành các hoạt động sinh kế như sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, du lịch, đánh bắt bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống dựa vào trồng trọt, chăn nuôi khác.

Về mặt lý luận, chiến lược sinh kế rất đa dạng, linh hoạt, đặc trưng với từng bối cảnh cụ thể. Tùy theo mục đích phân loại mà sinh kế ứng phó với biến

đổi khí hậu được phân chia theo nhiều tiêu thức khác nhau. Từ bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới, xét trong bối cảnh ứng phó với biến đổi khí hậu ở ven biển thì chiến lược sinh kế đề xuất cho người dân ven biển ở Việt Nam nên là: (i) đánh giá đúng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong mối quan hệ với các áp lực hiện tại khác ở vùng ven biển; (ii) phát triển và đa dạng hóa sinh kế dựa vào đặc thù của từng vùng sinh thái ven biển nhằm hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu ở cấp độ vùng, cộng đồng và hộ gia đình; (iii) tăng cường sử dụng kiến thức bản địa trong việc xây dựng mô hình sinh kế mới, đặc biệt là sinh kế không hoặc ít dựa vào tài nguyên biển; (iv) đa dạng hóa các nguồn thu nhập của hộ và các thành viên trong hộ gia đình; (iii) Nhà nước và chính quyền địa phương giữ vai trò định hướng xây dựng các mô hình sinh kế mới (sinh kế bổ trợ, thay thế) bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống.

Tài liệu tham khảo:

- ADPC. (2003), '*Climate Change and Development in Vietnam: Agriculture and Adaptation for the Mekong Delta Region*', Eschborn : Deutsche Gesellschaft für.
- Adger, W., Hughes, T., Folke, C., Carpenter, S. & Rockstrom, J. (2005). '*Social-Ecological Resilience to Coastal Disasters*'. *Science*. 309, 1036-1039.
- Barnett, J. & Dessai, S. (2002), '*Articles 4.8 and 4.9 of the UNFCCC: adverse effects and the impacts of response measures*', *Climate Policy*, 2, 2-3, 231-239.
- CCSP (2009), '*Coastal Sensitivity to Sea-Level Rise: A Focus on the Mid-Atlantic Region*', A Report by the U.S. Climate Change Science Program and the Subcommittee on Global Change Research.
- DFID (2000), '*Sustainable Livelihoods – current thinking and practice*', London: Department for International Development.
- Ellis, F. (1998), '*Survey article: Household Strategies and Rural Livelihood Diversification*', *Journal of Development Studies*, 35(1).
- Ellis, F. (2000), '*Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries*', Oxford Press.
- Eva (2010), '*Poor people's livelihood strategies in coastal communities in Eastern Zanzibar*', Project research, the Nordic Africa Institute, 2010.
- FAO. (2006), '*Livelihood adaptation to climate variability and change in drought - prone areas of Bangladesh*', Rome, Italy: FAO.
- Lebel L. (2012), '*Governance and coastal boundaries in the tropics*', *Curr Opin Environ Sustain* 4:243-251.
- Mallick, e. (2011). *Coastal livelihood and physical infrastructure in Bangladesh after cyclone Aila*. Mitig Adapt strateg Glob Change 16.
- Moniruzzaman M (2012), '*Impact of climate change in Bangladesh: water logging at south-west coast*', Springer, Berlin.
- Nicholls, R., Wong, P. & Hanson, C. (2007). 21. Nicholls RJ, Wong PP, Hanson CE (2007). *Climate change: impacts, adaptation and vulnerability. Contribution of working group II to the Fourth assessment report of the intergovernmental panel on climate change*. Cambridge: Cambridge University Press.

- Trần Thọ Đạt & Vũ Thị Hoài Thu (2012), '*Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*', NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.
- Ribeiro, N., & Chauque, A. (2010), '*Gender and Climate change: Mozambique Case Study*', South Africa: Heinrich Böll Foundation.
- Ronan, R. (2007), '*Livelihood approaches as a conservation tool*'. Report of PhD candidate, IGERT Program University of Rhode Island.
- Scoones, I. (1998), '*Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*', Working Paper 72, Brighton, UK: Institute for Development Studies.
- Shay Simpson (2013), '*Cải thiện sinh kế cho cộng đồng ven biển bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu: Cơ chế dựa trên các bài học kinh nghiệm của dự án Bảo tồn và Phát triển khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang*', Báo cáo dự án.
- Sievanen, L., Crawford, B., Pollnac, R. & Lowe, C. (2005), '*Weeding through assumptions of livelihood approaches in ICM: Seaweed farming in the Philippines and Indonesia*', Ocean and Coastal Management, 48(3-6): 297-313.
- Starken, F., & Wandeln, K. (2009), '*A case of Central Drought Zone areas: The Role of Women in Adaptating to Climate Change in Tanzania*', R U N D B R I E F 1.
- WB. (2006), '*Việt Nam: sự tham gia của cộng đồng ngư dân nghèo trong xác định nguồn lực và nhu cầu đầu tư phát triển thủy sản*'. Hà Nội: Báo cáo dự án.
- WB. (2010), '*Economics of Adaptation to Climate Change in Vietnam*', Washington, DC: The World Bank group.